

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-PT
Ngày 13 tháng 4 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15/3/2018, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn O, thị trấn Y1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 12 năm 2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Văn C trình bày:

Ông và bà K kết hôn với nhau năm 1984 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống khác nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông và bà K đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Gia đình ông và gia đình bà K đã xảy ra mâu thuẫn và không còn quan hệ với nhau từ lâu. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được và trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau trong thời gian rất dài hơn mười năm nên ông tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà K để ông có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Về thời gian vợ chồng kết hôn là khoảng năm 1982 - 1983 chứ không phải năm 1984 như ông C trình bày. Bà thừa nhận về quá trình vợ chồng chung sống, thời gian sống ly thân như ông C trình bày là đúng. Về nguyên nhân là do ông C chơi bời, hay đi qua đêm, về nhà thường xuyên đánh đập vợ con từ năm 2001. Năm 2002, ông C bỏ vào Miền Nam làm ăn, ngày lễ tết ông C cũng không về. Từ đó tới nay, không có trách nhiệm gì với vợ con, ông chỉ về khi các con xây dựng gia đình. Nay ông C làm đơn xin ly hôn, bà không đồng ý vì các con bà đã trưởng thành, bà muốn giữ lại tiếng cho các con. Ông C muốn sống ở đâu là quyền của ông.

Về con chung: Ông C và bà K xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Văn Tr, sinh năm 1984; Đỗ Văn H, sinh năm 1987 và Đỗ Thị Ph, sinh năm 1993. Hiện nay các con của ông bà đã đủ tuổi trưởng thành, nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Ông C và bà K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Cho ông Đỗ Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tính án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 09/02/2018 bà K kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm chưa công bằng, chưa thấu tình đạt lý và có dấu hiệu vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giải quyết về ly hôn, tài sản và quyền nuôi con.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, áp dụng khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y do cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập đánh giá chứng cứ và trong việc áp dụng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hình thức:** Bà K làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] **Về nội dung kháng cáo:**

Bà K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trình tự thủ tục tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm:

Do bà K không chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên ngày 25/12/2017 tòa án sơ thẩm đã phải trực tiếp đến gia đình bà để lấy lời khai (BL 22). Khi xét xử, cấp sơ thẩm tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và xác định được tình trạng hôn nhân của ông C, bà K đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cụ thể ông bà đã ly thân từ năm 2002 và không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K hỏi thì bà cho biết năm 2001 ông C say rượu có đánh bà, ông có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã được bà cùng hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải, dàn xếp nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được; hiện nay ông C đang sinh sống tại miền nam và chỉ có dịp lễ tết hay gia đình có việc quan trọng ông mới về; ông bà ly thân từ năm 2002 đến nay. Như vậy tòa án sơ thẩm đã căn cứ Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình để cho ông C ly hôn bà K là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K xác nhận những lần Tòa án sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng cho bà thông qua anh Đỗ Văn Tr, anh Đỗ Văn H là con trai bà và chị Kim Thị P là con dâu bà thì bà đều được những người này giao lại văn bản tố tụng của Tòa án; tuy nhiên bà không chấp hành đến tòa án để làm việc. Tại

phiên tòa sơ thẩm ngày 29/01/2018, bà K đã có mặt tham gia phiên tòa, vậy có cơ sở để xác định bà K biết và nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy việc tuân thủ pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án là chính xác. Do đó không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm của bà K.

Đối với nội dung kháng cáo về ly hôn, phân chia tài sản và giao nuôi con:

Quá trình chung sống từ những năm 2000 vợ chồng ông C, bà K đã phát sinh mâu thuẫn. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2002 - 2003 đến nay. Khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông bà thì được cung cấp: Giữa gia đình ông C và gia đình bà K đã xảy ra mâu thuẫn, không còn quan hệ với nhau từ năm 2000. Mỗi lần ông C đi làm ăn xa về quê đều sống ở nhà bố mẹ đẻ là cụ Đỗ Văn V. Tuy bà K không đồng ý ly hôn nhưng bà không có bất cứ hành động nào nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng, bà chỉ nêu lý do là chỉ cần giữ quan hệ hôn nhân vì các con, còn ông C muốn chung sống với ai bà không can thiệp, tại cấp sơ thẩm bà cũng không chấp hành các thông báo hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai ông bà không còn và đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C là hoàn toàn có căn cứ. Cho nên không chấp nhận kháng cáo của bà K.

Khi ông C khởi kiện thì chỉ xin được ly hôn, bà K không yêu cầu chia tài sản. Nay bà kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung thì đã vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm được quy định tại Điều 244, 270, 293 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cho nên không có căn cứ để giải quyết nội dung kháng cáo này. Trường hợp bà K có yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về giao nuôi con: Các con của ông C, bà K đều đã trưởng thành, lao động tự túc được, không có ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, tại cấp sơ thẩm cả ông C bà K đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà K.

[3] Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

[1] Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Cho ông Đỗ Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

[2] Về án phí: Ông Đỗ Văn C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001967 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đồng đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002031 ngày 09/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Ông C, bà K đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Tòa Dân sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Quang Hùng